

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2023/HS-ST
Ngày 31- 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đăng Thiện

Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2023;

Đối với các bị cáo:

1. **Mã Xuân T**, sinh ngày 15/12/1983 tại: Xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Phố Đ, xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mã Xuân K và bà Hồ Thị D; Có vợ là Trương Thị N và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 31/7/2009 bị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 05 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đã chấp hành xong án phạt tù ngày 25/3/2013. Bị bắt tạm giữ ngày 02/9/2022, chuyển tạm giam từ ngày 11/9/2022 đến nay; Có mặt.

2. **Nguyễn Như H**, sinh ngày 29/11/1992 tại: Thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Như B và bà Nguyễn Thị T1; Có vợ là Lương Thị D1 và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 01/9/2022,

chuyển tạm giam từ ngày 10/9/2022 đến nay; Có mặt.

3. **Hà Văn S**, sinh ngày 10/11/1975 tại: Huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Khu phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Văn T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; Có vợ là Lê Thị N1 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 01/9/2022, chuyển tạm giam từ ngày 10/9/2022 đến nay; Có mặt.

4. **Hoàng Viêt N2**, sinh ngày 18/11/1997 tại: Xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Q, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Viêt T3 và bà Trần Thị P; Có vợ là Hoàng Thị T4 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 01/9/2022, chuyển tạm giam từ ngày 10/9/2022 đến nay; Có mặt.

5. **Nguyễn Đình T5**, sinh ngày 02/10/1991 tại: Thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Tiểu khu N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện nay: Khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình C (đã chết) và bà Đình Thị Q; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không;

Tiền án:

+ Ngày 25/10/2011 bị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 25 tháng tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/5/2013.

+ Ngày 18/02/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*", chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/6/2015.

+ Ngày 30/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xử phạt 6 năm tù về tội "*Cướp tài sản*" (đã bị áp dụng tình tiết định khung "*Tái phạm nguy hiểm*"), chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/3/2022.

Bị bắt tạm giữ ngày 02/9/2022, chuyển tạm giam từ ngày 11/9/2022 đến nay; Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Viêt N2*: Ông Trịnh Đình H1 - Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 6, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T; Có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Phan Văn H2, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

2. Trần Văn C1, sinh năm 1999, địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

3. Trương Thái H3, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn G, xã L, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

4. Trương Văn B1, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn G, xã L, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

5. Trương Văn P1, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

6. Lê Văn L1, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

7. Trịnh Thị H4, sinh năm 1983, địa chỉ: Số A T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

8. Chị Lương Thị D1, sinh năm 1994, địa chỉ: Khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 31/8/2022, tại khu vực đường H thuộc địa phận thôn H, xã T, huyện T xảy ra vụ tai nạn giao thông giữa xe máy nhãn hiệu Honda Wave (không gắn biển kiểm soát) do Hoàng Việt N2 điều khiển với xe máy nhãn hiệu Sufat, biển kiểm soát 36K7-8723 do ông Phạm Văn M (sinh năm 1968, trú tại: xã T, huyện T) điều khiển. Hậu quả làm cả hai bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện N. Tiến hành kiểm tra trong cốp xe máy của Hoàng Việt N2, lực lượng Công an phát hiện 01 ống nhựa màu trắng bịt kín hai đầu, bên trong chứa 48 viên nén màu hồng. Hoàng Việt N2 khai nhận đây là ma túy dạng hồng phiến tàng trữ mục đích sử dụng. Tổ công tác đã lập biên bản và niêm phong số ma túy đã thu giữ trong phong bì kí hiệu M.

Quá trình điều tra xác định:

Ngày 28/8/2022, Hoàng Việt N2 đến gặp Nguyễn Đình T5 tại khu phố T, thị trấn T, huyện T. Tại đây, N2 nói với T5 là tìm được người bán ma túy giá rẻ, nên rủ T5 góp tiền mua ma túy sử dụng, thì T5 đồng ý. Đến ngày 30/8/2022, T5 và N2 gặp nhau tại thị trấn T, T5 góp 3.000.000 đồng, N2 góp 4.000.000 đồng. N2 gọi đến số thuê bao 0368.510.408 của Hà Văn S để hỏi mua ma túy thì được S giới thiệu để N2 liên hệ với Nguyễn Như H. Sau đó, N2 gọi điện đến số thuê bao 0961.488.569 của Nguyễn Như H để hỏi mua ma túy. H sử dụng số thuê bao 0961.488.569 gọi đến số thuê bao 0868.107.804 của Mã Xuân T để hỏi mua ma túy thì T đồng ý. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, N2 đến cửa hàng điện thoại của anh Phan Văn H2 (sinh năm 1987, trú tại khu B, thị trấn T, huyện T) để nhờ chuyển tiền. Anh H2 đồng ý, nên sử dụng tài khoản ngân hàng M1 mang tên PHAN VAN H5 chuyển đến tài khoản ngân hàng M1 số 0961488569 mang tên NGUYEN NHU HAI số tiền 7.000.000 đồng.

Tại nhà của Mã Xuân T ở khu phố Đ, xã T, huyện B, H hỏi T "*anh có lấy được hàng (ma túy) không*" thì T trả lời "*Cứ chuyển tiền đi*". Nghe T nói vậy thì Nguyễn Như H sử dụng tài khoản ngân hàng M1 mang tên NGUYEN NHU HAI chuyển đến tài khoản ngân hàng M1 số 0868107804 mang tên MA XUAN THANH số tiền 7.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền thì T đi vào trong buồng lấy ra một túi nilong màu xanh, bên trong chứa 122 viên ma túy dạng hồng phiến đem đưa cho H. Nhận được ma túy, H một mình điều khiển xe máy nhãn hiệu Liberty biển kiểm soát 36B3-412.61 về thị trấn N, huyện N. Khi về đến thị trấn N, H gặp S và đi về nhà S ở khu phố T, thị trấn N, huyện N. Tại đây, S mang ra đếm được 122 viên hồng phiến, S đưa cho N2 110 viên; còn lại 12 viên Nam, H, S lấy ra để sử dụng, do sử dụng không hết nên H lấy 02 viên mang về nhà cất giấu. N2 mang số ma túy mua được đi về thị trấn T gặp T5, N2 chia cho T5 50 viên, còn lại Nam giữ 60 viên mục đích sử dụng. Đến khoảng 22 giờ ngày 31/8/2022, N2 điều khiển xe máy biển kiểm soát 36K7-8723 đi qua đoạn đường H thuộc địa phận thôn H, xã T, huyện T thì xảy ra tai nạn giao thông. Lực lượng Công an kiểm tra phát hiện trong cốp xe máy của Hoàng Việt N2 01 ống nhựa màu trắng bịt kín hai đầu, bên trong chứa 48 viên nén màu hồng, N2 khai nhận là ma túy loại "hồng phiến".

Khám xét khẩn cấp người, chỗ ở của Nguyễn Như H ở khu phố L, thị trấn N, huyện N, Cơ quan điều tra phát hiện thu giữ: 01 gói giấy bạc bên trong chứa 02 viên nén màu hồng tại gầm bếp (được niêm phong trong phong bì kí hiệu M1); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 gắn sim số thuê bao 0845.657.587 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 gắn sim số thuê bao 0961.488.569 trên người Nguyễn Như H; 01 thẻ ngân hàng M2 và 01 thẻ ngân hàng T7 đều mang tên NGUYEN NHU HAI.

Khám xét khẩn cấp người, chỗ ở của Nguyễn Đình T5 ở khu phố T, thị trấn T, huyện T, Cơ quan điều tra phát hiện thu giữ: 01 gói nhỏ bằng giấy bạc bên trong có 01 viên nén màu hồng tại bảng điện và 01 túi nilong màu xanh bên trong có 02 gói nhỏ bằng giấy bạc, bên trong mỗi gói có 05 viên nén màu hồng trong túi quần trên giá treo quần áo tại phòng trọ của Nguyễn Đình T5 (được niêm phong trong phong bì kí hiệu M3); 01 điện thoại Nokia 222 gắn sim số thuê bao 0383.505.391 và số tiền 2.800.000 đồng.

Khám xét khẩn cấp người, chỗ ở của Mã Xuân T tại phố Đ, xã T, huyện B, Cơ quan điều tra phát hiện thu giữ: 02 túi nilong màu đen, bên trong mỗi gói có 06 viên nén màu hồng trong túi quần đang mặc của Mã Xuân T (được niêm phong trong phong bì kí hiệu 2M); 10 viên nén màu hồng được bọc trong gói giấy màu trắng trên giường ngủ phòng khách (được niêm phong trong phong bì kí hiệu 2M1); 01 túi nilong màu hồng, bên trong có 146 viên nén màu hồng và 02 viên nén màu xanh tại nắp máy giặt phòng tắm (được niêm phong trong phong bì kí hiệu 2M2); 01 thẻ ngân hàng M3, 01 thẻ ngân hàng A mang tên MA XUAN THANH; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi K30 gắn sim số thuê bao 0982.195.281 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 gắn sim số thuê bao 0868.107.804; Số tiền 6.220.000 đồng. Toàn bộ số ma túy thu giữ trên người, chỗ ở của Mã Xuân T, T khai tàng trữ mục đích để sử dụng.

Ngày 02/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định trưng cầu Phòng K1 Công an tỉnh T giám định chất ma túy đã thu giữ. Tại Bản kết luận giám định số 3053/KL-KTHS ngày 08/9/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận:

- Phong bì kí hiệu M: 48 viên nén màu hồng niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 4,508g loại: Methamphetamine.

- Phong bì kí hiệu M1: 02 viên nén màu hồng niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,190g loại: Methamphetamine.

- Phong bì kí hiệu 2M: 12 viên nén màu hồng niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 1,110g loại: Methamphetamine.

- Phong bì kí hiệu 2M1: 10 viên nén màu hồng niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,933g loại: Methamphetamine.

- Phong bì kí hiệu 2M2: 146 viên nén màu hồng niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 13,631g loại: Methamphetamine; 02 viên nén màu xanh niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,212g loại: Methamphetamine.

- Phong bì kí hiệu M3: 01 viên nén màu hồng niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,089g loại: Methamphetamine; 10 viên nén màu hồng niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,933g loại: Methamphetamine.

Ngày 01/12/2022, Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định Phòng K1 Công an tỉnh T giám định ADN (Gen) đối với mẫu vật thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Mã Xuân T. Tại bản kết luận giám định số 71/KL-KTHS ngày 21/12/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận: Trên các mẫu cần giám định có tế bào của Mã Xuân T.

Ngày 19/9/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã yêu cầu Tập đoàn C2 cung cấp thông tin, hồ sơ đăng kí và bản kê khai chi tiết cuộc gọi đi, cuộc gọi đến, tin nhắn đi, tin nhắn đến, vị trí BTS của số thuê bao 0868.107.804 và 0982.195.281 từ ngày 15/8/2022 đến ngày 13/9/2022.

Tại bản Báo cáo chi tiết lịch sử liên lạc thoại và SMS của Tập đoàn C2 xác định: Số thuê bao 0868.107.804 và 0982.195.281 đứng tên chủ thuê bao Mã Xuân T, sinh ngày 15/12/1983 tại xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Vào hồi 19 giờ 48 phút 25 giây ngày 30/8/2022, số thuê bao 0961.488.569 của Nguyễn Như H gọi đến số thuê bao 0868.107.804 của Mã Xuân T với thời lượng 33 giây.

Ngày 19/9/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã yêu cầu ngân hàng M2 chi nhánh T8 cung cấp thông tin người đăng ký mở tài khoản M2 số 0961488569 và số 0868107804; Lịch sử giao dịch từ ngày 15/8/2022 đến ngày 29/9/2022 đối với các tài khoản trên.

Tại sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ, báo có ngày 29/9/2022 do ngân hàng TMCP Q1 cung cấp xác định:

- Tài khoản 0868107804 mang tên Mã Xuân T; sinh ngày: 15/12/1983; địa chỉ: Phố Đ, xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

- Tài khoản 0961488569 mang tên Nguyễn Như H; sinh ngày: 29/11/1992; địa chỉ: Phố C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

- Ngày 30/8/2022, Nguyễn Như H sử dụng tài khoản ngân hàng M1 chuyển đến tài khoản ngân hàng M1 số 0868107804 của Mã Xuân T số tiền 7.000.000 đồng.

Đối với xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha của anh Trần Văn C1 (sinh năm 1999, trú tại thôn Q, xã N, huyện T) và xe máy nhãn hiệu Lyberty biển kiểm soát 36B3-412.61 của chị Lương Thị D1 (sinh năm 1994, trú tại: Khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa). Quá trình điều tra xác định anh C1 và chị D1 không biết việc bị cáo N2 và H sử dụng xe máy trên để thực hiện hành vi phạm tội, nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

Vật chứng và các đồ vật, tài liệu thu giữ trong quá trình điều tra: Toàn bộ bao gói mở niêm phong và mẫu vật còn lại sau giám định; 07 điện thoại di động (gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, gắn sim 1 số 0942837112, sim 2 số 0915696205; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám, gắn sim số 0368510408; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu vàng, gắn sim số 0961488569; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 màu trắng, gắn sim số 0868107804; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi K30 màu xanh, gắn thẻ sim số 0982195281; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, model: TA – 1174 màu xanh, gắn sim số 0845657587 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 222 màu trắng, gắn sim số 0383505391); Số tiền VNĐ 9.020.000đ; 04 thẻ ngân hàng (gồm 02 thẻ ngân hàng M3; 01 thẻ ngân hàng T7 và 01 thẻ ngân hàng A). Hiện đang được quản lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKS-HS ngày 19/7/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố:

- Bị cáo Mã Xuân T về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự;

- Các bị cáo Nguyễn Như H và Hà Văn S về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự;

- Bị cáo Hoàng Viết N2 về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự;

- Bị cáo Nguyễn Đình T5 về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm g, o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Như H, Hà Văn S, Hoàng Viết N2 và Nguyễn Đình T5, đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Riêng bị cáo Mã Xuân T chỉ thừa nhận về hành vi phạm tội “tàng trữ trái phép chất ma túy như nội dung cáo trạng” nêu; bị cáo không thừa nhận về hành vi bán trái phép chất ma túy

cho Nguyễn Như H theo như nội dung cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử,

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Mã Xuân T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm g khoản 2 Điều 249 và điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Nguyễn Như H và Hà Văn S phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo Hoàng Việt N2 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo Nguyễn Đình T5 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm g, o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm i khoản 2 Điều 251; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Mã Xuân T. Riêng đối với tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Mã Xuân T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là từ 15 năm 06 tháng đến 16 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Như H và Hà Văn S,

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Như H và Hà Văn S mỗi bị cáo từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Việt N2,

Xử phạt bị cáo Hoàng Việt N2 từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

- Áp dụng điểm g, o khoản 2 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đình T5,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T5 từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo Mã Xuân T số tiền 7.000.000 đồng do phạm tội mà có. Tuy nhiên cần khấu trừ đi số tiền 6.220.000 đồng thu giữ của bị cáo T không liên quan tội phạm. Như vậy còn phải truy thu của bị cáo T 780.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu, tiêu hủy đối với:

+ Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định và mẫu vật là 01 túi nilon màu hồng, 01 mảnh giấy màu trắng, 02 mảnh nilon màu đen, mẫu tóc ghi thu giữ của Mã Xuân T còn lại sau giám định, được đựng trong 02 phong bì niêm phong.

+ 01 thẻ ngân hàng M3 số 4089041011676426, mang tên NGUYỄN NHƯ HẢI và 01 thẻ ngân hàng M3 số 9704229357603039, mang tên MÃ XUÂN THANH.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, gắn sim 1 số 0942837112, sim 2 số 0915696205 thu giữ của bị cáo N2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám, gắn sim số 0368510408 thu giữ của bị cáo S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu vàng, gắn sim số 0961488569 thu giữ của bị cáo H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 màu trắng, gắn sim số 0868107804 thu giữ của bị cáo T.

- Trả lại cho bị cáo Mã Xuân T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi K30 màu xanh, gắn thẻ sim số 0982195281 và 01 Thẻ ngân hàng A số 9704050921057910, mang tên MÃ XUÂN THANH.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Như H gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, model: TA – 1174 màu xanh, gắn sim số 0845657587 và 01 Thẻ ngân hàng T7 số 4221498696852897, mang tên NGUYỄN NHƯ HẢI.

- Trả lại cho Bị cáo Nguyễn Đình T5 gồm: Số tiền VNĐ 2.800.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 222 màu trắng, gắn sim số 0383505391.

Hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân theo quy định.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Mã Xuân T tranh luận:

- Đồng ý với tội danh “Tàng trữ trái phép chất ma túy” như cáo trạng truy tố và quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

- Không đồng ý với tội danh “Mua bán trái phép chất ma túy” như cáo trạng truy tố và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Bị cáo tranh luận khẳng định: Bị cáo không có hành vi bán ma túy cho Nguyễn Như H như nội dung cáo trạng nêu; Số tiền 7.000.000 đồng H chuyển khoản vào tài khoản của bị cáo là vì lý do: Bị cáo cần tiền trong tài khoản để chuộc xe máy, nên có nhờ H chuyển khoản sang tài khoản của bị cáo và bị cáo đã đưa lại tiền mặt cho H; Việc H chuyển khoản cho bị cáo số tiền 7.000.000 đồng không phải là tiền mua ma túy.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Việt N2 tranh luận: Thống nhất với quan điểm truy tố của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh đối với bị cáo N2 theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự. Sau khi phân tích nội dung vụ án, nhân thân, điều kiện hoàn cảnh của bị cáo; vị trí, vai trò của bị cáo trong vụ án và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo gồm: thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa; bố đẻ bị cáo N2 là người có công với cách mạng (thương binh hạng A, thương tật 41%), tham gia kháng chiến làm nhiệm vụ quốc tế được tặng thưởng huân chương chiến công

hạng ba. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng quy định tại g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử cho bị cáo N2 được hưởng mức án ở đầu khung hình phạt, để bị cáo yên tâm cải tạo và sớm trở lại hòa nhập xã hội. Ngoài ra còn đề nghị, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Như H, Hà Văn S, Hoàng Việt N2 và Nguyễn Đình T5 không tranh luận.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo T xin Hội đồng xét xử xem xét vụ án khách quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo Mã Xuân T chỉ thừa nhận về hành vi phạm tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”, không thừa nhận hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của các bị cáo Nguyễn Như H, Hà Văn S, Hoàng Việt N2 và Nguyễn Đình T5; Lời khai của người làm chứng; Kết luận giám định số 3053/KL-KTHS ngày 08/9/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận về khối lượng chất ma túy, loại chất ma túy; Kết luận giám định số 71/KL-KTHS ngày 21/12/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận về mẫu tế bào gen (ADN) của Mã Xuân T; Thông tin, dữ liệu điện tử về báo cáo chi tiết lịch sử liên lạc của số thuê bao 0868.107.804, đứng tên chủ thuê bao Mã Xuân T; Thông tin về tài khoản M3 số 0961488569 mang tên Nguyễn Như H, tài khoản M3 số 0868107804 mang tên Mã Xuân T; Bản sao kê chi tiết giao dịch của tài khoản M3 số 0961488569 và tài khoản M3 số 0868107804 thời gian từ ngày 15/8/2022 đến ngày 29/9/2022; Vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

- Bị cáo Mã Xuân T phải chịu trách nhiệm với tổng khối lượng chất ma túy mua bán trái phép là 6,72g ma túy, loại Methamphetamine và khối lượng chất ma túy tàng trữ trái phép với mục đích để sử dụng cá nhân là 15,886g ma túy, loại: Methamphetamine.

- Bị cáo Nguyễn Như H và Hà Văn S phải chịu trách nhiệm với tổng khối lượng chất ma túy mua bán trái phép là 6,72g ma túy, loại Methamphetamine.

- Bị cáo Hoàng Việt N2 và Nguyễn Đình T5 góp tiền để cùng mua ma túy để sử dụng, nên phải chịu trách nhiệm chung với tổng khối lượng chất ma túy tàng trữ trái phép là 6,72g, loại Methamphetamine.

Đối với bị cáo Nguyễn Đình T5 đang có 03 tiền án, và tại bản án trước đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng "*Tái phạm nguy hiểm*" chưa được xóa án tích, nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội do cố ý, nên phải chịu thêm 01 tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Như vậy, hành vi của bị cáo Mã Xuân T đã phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" và tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo điểm g khoản 2 Điều 249 và điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Hành vi của các bị cáo Nguyễn Như H và Hà Văn S phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Hành vi của bị cáo Hoàng Việt N2 phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; Hành vi của bị cáo Nguyễn Đình T5 phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm g, o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy; không những gây mất trật tự an toàn xã hội, mà còn gây tâm lý hoang mang, bất bình trong nhân dân. Tệ nạn về ma túy không những làm hủy hoại đến sức khỏe, mà còn là điều kiện làm nảy sinh, lan truyền đại dịch HIV/AIDS. Tội phạm về ma túy còn là nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm, tệ nạn xã hội khác, đã và đang làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế, xã hội và an ninh trật tự. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song vẫn bất chấp pháp luật phạm tội. Vì vậy, cần thiết phải xử lý vụ án nghiêm minh, xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù, bắt cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian, như vậy mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo, cũng như đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Vụ án không có tính tổ chức, mà chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó: Bị cáo T phải chịu trách nhiệm độc lập về hành vi phạm tội của mình tương ứng với khối lượng chất ma túy mua bán và tàng trữ trái phép; Đối với bị cáo H và bị cáo S, các bị cáo đồng phạm về hành vi bán trái phép chất ma túy cho bị cáo N2, nên phải chịu trách nhiệm ở cùng vai trò; Đối với bị cáo N2 và bị cáo T5, giữa các bị cáo có bàn bạc, thống nhất với nhau góp tiền để cùng mua ma túy về chia nhau để sử dụng, nên đồng phạm về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, tuy nhiên do bị cáo N2 là người chủ động đi mua ma túy, góp nhiều tiền hơn và được chia số lượng ma túy nhiều hơn, nên bị cáo N2 phải chịu trách nhiệm ở vai trò cao hơn so với bị cáo T5.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Đình T5 đã 03 lần bị Tòa án kết án phạt tù về các tội "*tàng trữ trái phép chất ma túy*", "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" và "*Cướp tài sản*". Mặc dù đã chấp hành xong hình phạt, nhưng chưa được xóa án tích, nên bị cáo phải chịu 03 tiền án. Bị cáo Mã Xuân T đã 01 lần bị kết án về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*", nhưng đã được xóa án tích. Các bị cáo Nguyễn Như H, Hà Văn S và Hoàng Việt N2 lần đầu phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Mã Xuân T, Nguyễn Như H, Hà Văn S, Hoàng Việt N2 và Nguyễn Đình T5 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Như H, Hà Văn S, Hoàng Việt N2 và Nguyễn Đình T5 đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Mã Xuân T không thừa nhận về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, khai báo quanh co, gây khó khăn cho việc xử lý vụ án, nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*"; riêng đối với tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận tội, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là "*thành khẩn khai báo*" theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối. Đối với bị cáo Hoàng Việt N2 và bị cáo Nguyễn Đình T5, các bị cáo có bố đẻ (mẹ đẻ) là người có công với cách mạng, nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cần xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

[8] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: Cần thiết phải xử phạt các bị cáo Mã Xuân T6, Nguyễn Như H, Hà Văn S, Hoàng Việt N2 và Nguyễn Đình T5 bằng hình phạt tù, với mức án như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đảm bảo được tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Bị cáo Mã Xuân T phạm 2 tội, nên cần áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt đối với bị cáo. Đối với thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam được tính vào thời gian chấp hành hình phạt cho các bị cáo. Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập; hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về số tiền do phạm tội mà có: Đối với số tiền 7.000.000 đồng bị cáo Mã Xuân T thu lợi bất chính do bán trái phép chất ma túy mà có, cần truy thu để sung vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, xét trong quá trình điều tra có thu giữ của bị cáo T số tiền 6.220.000 đồng không liên quan đến tội phạm, theo quy định được trả lại cho bị cáo T, nhưng do bị cáo bị truy thu số tiền 7.000.000 đồng do phạm tội mà có, nên cần khấu trừ số tiền 6.220.000 đồng thu giữ của bị cáo vào số

tiền truy thu của bị cáo. Như vậy, số tiền còn lại cần phải truy thu từ bị cáo T là 780.000 đồng.

[11] Về vật chứng vụ án:

- Đối với toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định và mẫu vật là 01 túi nilon màu hồng, 01 mảnh giấy màu trắng, 02 mảnh nilon màu đen, mẫu tóc ghi thu giữ của Mã Xuân T còn lại sau giám định, được đựng trong 02 phong bì niêm phong, cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với: Số tiền 9.020.000 đồng thu giữ, trong đó: Số tiền 6.220.000 đồng thu giữ của T đã được khấu trừ vào số tiền cần truy thu của T do phạm tội mà có. Như vậy còn lại số tiền 2.800.000 đồng thu giữ của bị cáo T5, xác định không liên quan tội phạm, nên trả lại bị cáo T5.

- Đối với: 01 thẻ ngân hàng M3 thu giữ của Nguyễn Như H và 01 thẻ ngân hàng M3 thu giữ của Mã Xuân T, các bị cáo sử dụng liên quan đến tội phạm nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với: 01 thẻ ngân hàng T7 thu giữ của H, 01 thẻ ngân hàng A thu giữ của T, không liên quan đến tội phạm, nên trả lại cho các bị cáo.

- Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, gắn sim 1 số 0942837112, sim 2 số 0915696205 thu giữ của bị cáo N2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám, gắn sim số 0368510408 thu giữ của bị cáo S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu vàng, gắn sim số 0961488569 thu giữ của H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 màu trắng, gắn sim số 0868107804 thu giữ của bị cáo T. Xác định đây là công cụ, phương tiện các bị cáo đã sử dụng phạm tội, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi K30 màu xanh, gắn thẻ sim số 0982195281 thu giữ của bị cáo T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, model: TA – 1174 màu xanh, gắn sim số 0845657587 thu giữ của bị cáo H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 222 màu trắng, gắn sim số 0383505391 thu giữ của bị cáo T5. Tiến hành kiểm tra điện thoại không phát hiện thông tin liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật; bản thân các bị cáo không sử dụng liên quan đến tội phạm. Vì vậy, cần trả lại cho các bị cáo.

Toàn bộ vật chứng trên hiện đang được quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

[12] Về tình tiết liên quan vụ án:

- Bị cáo Mã Xuân T khai mua ma túy của một người đàn ông không quen biết ở khu vực biên giới cửa khẩu N3. Quá trình điều tra không có căn cứ xác định người bán ma túy cho T, nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với xe máy các bị cáo N2 và H đã sử dụng liên quan vụ án. Quá trình điều tra xác định, xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha là của anh Trần Văn C1; xe máy nhãn hiệu Lyberty biển kiểm soát 36B3-412.61 là của chị Lương Thị D1; Anh C1 và chị D1 không biết việc bị cáo N2, bị cáo H đã sử dụng xe máy để thực hiện hành vi phạm tội, nên Cơ quan điều tra không thu giữ, là phù hợp.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249 và điểm i khoản 2 Điều 251; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Mã Xuân T về cả hai tội. Riêng đối với tội “*tàng trữ trái phép chất ma túy*” áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào điểm i khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Như H và Hà Văn S;

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Việt N2;

Căn cứ vào điểm g, o khoản 2 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đình T5;

Căn cứ vào điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 293; khoản 1 Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Bị cáo Mã Xuân T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; Các bị cáo Nguyễn Như H và Hà Văn S phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; Các bị cáo Hoàng Việt N2 và Nguyễn Đình T5 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Xử phạt bị cáo Mã Xuân T 07 (bảy) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và 08 (tám) năm 09 (chín) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội là 15 (mười lăm) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/9/2022.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Như H 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/9/2022.

- Xử phạt bị cáo Hà Văn S 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/9/2022.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Việt N2 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/9/2022.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T5 06 (sáu) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/9/2022.

2. Về biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo Mã Xuân T số tiền 7.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ đi số tiền 6.220.000 đồng thu giữ của bị cáo T không liên quan đến tội phạm. Như vậy, số tiền còn lại cần truy thu từ bị cáo Mã Xuân T là 780.000 đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy đối với:

+ Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định và mẫu vật là 01 túi nilon màu hồng, 01 mảnh giấy màu trắng, 02 mảnh nilon màu đen, mẫu tóc ghi thu giữ của Mã Xuân T còn lại sau giám định, được đựng trong 02 phong bì niêm phong do Phòng K1 Công an tỉnh T phát hành (*2 phong bì trên đều còn nguyên vẹn niêm phong và chỉ giao nhận dưới hình thức gói niêm phong*).

+ 01 thẻ ngân hàng M3 số 4089041011676426, mang tên NGUYỄN NHƯ HẢI và 01 thẻ ngân hàng M3 số 9704229357603039, mang tên MÃ XUÂN THANH.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, gắn sim 1 số 0942837112, sim 2 số 0915696205; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám, gắn sim số 0368510408; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu vàng, gắn sim số 0961488569; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 màu trắng, gắn sim số 0868107804.

- Trả lại cho bị cáo Mã Xuân T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi K30 màu xanh, gắn thẻ sim số 0982195281 và 01 Thẻ ngân hàng A số 9704050921057910, mang tên MÃ XUÂN THANH.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Như H gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, model: TA – 1174 màu xanh, gắn sim số 0845657587 và 01 Thẻ ngân hàng T7 số 4221498696852897, mang tên NGUYỄN NHƯ HẢI.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình T5 gồm: Số tiền VNĐ 2.800.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 222 màu trắng, gắn sim số 0383505391.

Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, hiện trạng theo như Biên bản giao nhận vật chứng số 50 ngày 24/7/2023.

4. Về án phí: Các bị cáo Mã Xuân T, Nguyễn Như H, Hà Văn S, Hoàng Viết N2 và Nguyễn Đình T5, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Lê Minh Tiến**